



THỰC TRẠNG KỸ NĂNG SỐNG CỦA HỌC SINH TIỂU HỌC TỈNH QUẢNG TRỊ

Lê Thị Hương¹, Phan Hữu Huyền¹, Nguyễn Xuân Hiếu¹

Phạm Thế Kiên^{2*}, Đinh Thị Hồng Vân², Hoàng Kim Toàn²

¹ Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Trị, 136 Quốc Lộ 9, Đông Hà, Quảng Trị, Việt Nam

² Đại học Huế, Số 3 Lê Lợi, Huế, Việt Nam

Tóm tắt. Nghiên cứu này tìm hiểu thực trạng kỹ năng sống của học sinh tiểu học Quảng Trị. Số liệu nghiên cứu được thu thập từ kết quả khảo sát 122 phụ huynh và 630 học sinh khối lớp 3, 4 và 5 ở các trường tiểu học trên địa bàn Quảng Trị và được xử lý bằng phần mềm thống kê SPSS 22.0. Kết cho thấy hầu hết học sinh tiểu học Quảng Trị đã có những biểu hiện cơ bản của các kỹ năng sống, chứng tỏ các em bước đầu đã dần hình thành các kỹ năng sống phù hợp. Tuy nhiên, mức độ biểu hiện không đồng đều, các biểu hiện đòi hỏi khả năng khái quát, tính phức tạp cao thì các em chưa đáp ứng được. Bài báo là tài liệu tham khảo hữu ích cho các nhà nghiên cứu, các chủ thể quản lý, các lực lượng giáo dục tìm hiểu, đề xuất những tác động phù hợp, giúp học sinh tiểu học Quảng Trị phát triển trí tuệ cảm xúc và kỹ năng tự bảo vệ bản thân, góp phần đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông hiện nay.

Từ khóa: kỹ năng sống, học sinh tiểu học

1. Đặt vấn đề

Mục tiêu chương trình giáo dục tiểu học được ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) đã chỉ rõ: Chương trình giáo dục tiểu học giúp học sinh hình thành và phát triển những yếu tố căn bản đặt nền móng cho sự phát triển hài hoà về thể chất và tinh thần, phẩm chất và năng lực; định hướng chính vào giáo dục về giá trị bản thân, gia đình, cộng đồng và những thói quen, nền nếp cần thiết trong học tập và sinh hoạt. Thông qua tất cả các môn học và hoạt động giáo dục, yêu cầu cần đạt của Chương trình giáo dục phổ thông cũng được đề cập đến đó là hình thành và phát triển cho học sinh năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo [2].

Học sinh tiểu học ở giai đoạn từ 6 đến 11 hoặc 12 tuổi, tương ứng với học sinh lớp 1 đến lớp 5. Ở lứa tuổi này, các em thường bộc lộ những nhận thức, tư tưởng, tình cảm, ý nghĩ của mình một cách vô tư, hồn nhiên, thật thà và thẳng thắn. Một số năng lực, tố chất của các em còn chưa được bộc lộ rõ rệt. Vì vậy, cần có những tác động giáo dục phù hợp để giúp các em phát

*Liên hệ: ptkien@hueuni.edu.vn

Nhận bài: 16-08-2019; Hoàn thành phản biện: 29-08-2019; Ngày nhận đăng: 03-09-2019

triển toàn diện về mọi mặt, trong đó có kỹ năng sống (KNS).

Mặc dù có nhiều cách tiếp cận khác nhau, nhưng nhìn chung khái niệm KNS có những đặc điểm sau:

– Kỹ năng sống là những kỹ năng hình thành trong môi trường xã hội nhất định. Nó hình thành và phát triển trong quá trình tương tác với các mối quan hệ xã hội và hòa nhập với môi trường xã hội loài người.

– Đặc trưng tâm lý, văn hóa xã hội, địa lý của mỗi dân tộc, vùng miền sẽ quy định việc hình thành, phát triển và vận dụng các KNS khác nhau.

– Kỹ năng sống giúp con người có thể hòa nhập với cuộc sống hàng ngày, đặc biệt tăng cường sức khỏe tâm lý và sự lành mạnh về tinh thần cho con người.

Trong nghiên cứu này, chúng tôi tiếp cận KNS là những kỹ năng cần thiết giúp học sinh có các năng lực cảm xúc – xã hội [1, 3] và tự bảo vệ để biết cách ứng xử với bản thân, với người khác, với các mối quan hệ và hoạt động một cách hiệu quả cũng như biết cách bảo vệ bản thân trong môi trường sống nhiều thách thức và khó khăn, đồng thời phù hợp với yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay. Theo đó, chúng tôi xác định hệ thống KNS của học sinh tiểu học gồm: (1) kỹ năng tự nhận thức, (2) kỹ năng tìm kiếm sự hỗ trợ, (3) kỹ năng quản lý cảm xúc, (4) kỹ năng giao tiếp, (5) kỹ năng đồng cảm, (6) kỹ năng hợp tác, (7) kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định có trách nhiệm, và (8) kỹ năng tự bảo vệ bản thân.

Ở Quảng Trị, dưới sự chỉ đạo và hướng dẫn của Sở GD&ĐT, việc giáo dục KNS cho học sinh tiểu học đã được tiến hành thông qua lồng ghép, tích hợp trong các môn học khác hoặc thông qua hoạt động ngoài giờ lên lớp. Hầu hết học sinh tiểu học Quảng Trị đã có những biểu hiện cơ bản của các KNS, chứng tỏ ở các em bước đầu đã dần hình thành các KNS phù hợp. Tuy nhiên, mức độ biểu hiện không đồng đều, các biểu hiện đòi hỏi khả năng khái quát, tính phức tạp cao thì các em chưa đáp ứng được.

Trong nghiên cứu này, chúng tôi tập trung tìm hiểu thực trạng KNS của học sinh tiểu học Quảng Trị nhằm phát hiện những hạn chế và nhận diện rõ nguyên nhân, làm cơ sở cho việc đề xuất xây dựng chương trình giáo dục các KNS nhằm phát triển trí tuệ cảm xúc và kỹ năng tự bảo vệ bản thân cho học sinh tiểu học, giải quyết yêu cầu về mặt lý luận và tình hình thực tiễn ở địa phương.

2. Khách thể và phương pháp

2.1. Khách thể khảo sát

Mẫu khách thể khảo sát gồm 122 phụ huynh và 630 học sinh khối lớp 3, 4 và 5 ở các trường tiểu học thuộc bảy huyện (Vĩnh Linh, Cam Lộ, Gio Linh, Hướng Hoá, Đakrông, Triệu Phong, Hải Lăng), một thành phố (Đông Hà) và một thị xã (Quảng Trị) thuộc tỉnh Quảng Trị.

Mẫu khách thể khảo sát được lựa chọn ngẫu nhiên và rải đều ở các trường tiểu học, đảm bảo tính ngẫu nhiên và mang tính đại diện.

Số lượng phụ huynh học sinh có giới tính nữ và nam tham gia trả lời phiếu khảo sát là tương đối đồng đều. Số phụ huynh cũng rải đều ở cả 3 khối học (Lớp 3: 39,30%, Khối 4: 32,80%, Khối 5: 27,90%).

Số lượng học sinh nữ và học sinh nam tham gia trả lời phiếu khảo sát là tương đương nhau. Số học sinh cũng rải đều ở cả 3 khối học (Lớp 3: 36,5%, Khối 4: 36,5%, Khối 5: 27,8%).

2.2. Phương pháp

2.2.1. Điều tra viết

Nội dung phiếu hỏi về các kỹ năng sống được xây dựng dựa trên tiếp cận kỹ năng sống là những kỹ năng cần thiết giúp học sinh có các năng lực cảm xúc - xã hội và tự bảo vệ để biết cách ứng xử với bản thân, với người khác, với các mối quan hệ và hoạt động một cách hiệu quả cũng như biết cách bảo vệ bản thân trong môi trường sống nhiều thách thức và khó khăn, đồng thời phù hợp với yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay.

Nghiên cứu sử dụng thang đo 3 bậc (1. Không đúng; 2. Đúng một phần; 3. Hoàn toàn đúng) để đánh giá các biểu hiện được liệt kê của các KNS. Chúng tôi căn cứ vào điểm trung bình (ĐTB) của các tiêu chí khảo sát để đưa ra nhận định. Nội dung nào có ĐTB cao thể hiện biểu hiện đó là đúng với các em học sinh tiểu học.

Nghiên cứu được tiến hành từ tháng 3/2018 đến tháng 5/2019.

2.2.2. Phương pháp thống kê toán học

Sử dụng phần mềm SPSS 22.0 để xác định độ tin cậy của các thang đo trong bảng hỏi, nhập và xử lý số liệu, lập bảng, biểu để phân tích ĐTB, độ lệch chuẩn (ĐLC) và phân tích so sánh để đưa ra kết luận của các kết quả nghiên cứu.

3. Kết quả và thảo luận

Để đánh giá độ tin cậy của công cụ trong nghiên cứu này, chúng tôi dùng phương pháp đánh giá độ phù hợp giữa các thành tố (item) trong cùng miền đo, sử dụng mô hình hệ số tương quan Cronbach's Alpha. Mô hình này đánh giá độ tin cậy của phép đo dựa trên sự tính toán phương sai của từng item trong toàn thang đo (câu hỏi) và tính tương quan điểm của từng item với điểm của tổng các item còn lại của thang đo. Độ tin cậy của thang đo (có giá trị từ 0 - 1) được coi là thấp nếu hệ số Alpha < 0,40.

Kết quả phân tích độ tin cậy cho thấy các câu hỏi trong bảng hỏi học sinh có hệ số tin cậy Cronbach's Alpha khá cao (0,699). Giá trị này cho phép kết luận các câu hỏi là đáng tin cậy, có thể sử dụng làm công cụ khảo sát biểu hiện các kỹ năng sống của học sinh tiểu học.

3.1. Thực trạng kỹ năng tự nhận thức của học sinh tiểu học Quảng Trị

Tự nhận thức là một kỹ năng sống quan trọng giúp các em nhận thức rõ về bản thân, giúp cá nhân thể hiện sự tự tin và tính kiên định để có thể giải quyết vấn đề và ra quyết định hiệu quả. Tự nhận thức cũng giúp bản thân đặt ra những mục tiêu phấn đấu phù hợp và thực tế.

Bảng 1. Đánh giá thực trạng biểu hiện của kỹ năng tự nhận thức của học sinh tiểu học Quảng Trị

TT	Biểu hiện của kỹ năng tự nhận thức	Học sinh		Phụ huynh		t(750)
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	
1	Em biết em giỏi (hay chưa giỏi) điều gì	2,10	0,63	2,19	0,57	1,46
2	Em nhận biết rõ về năng khiếu và khả năng đặc biệt của bản thân	2,06	0,68	2,24	0,60	2,85**
3	Em biết rõ cảm xúc (vui, buồn, lo lắng...) của mình trong các tình huống	2,40	0,72	2,37	0,56	0,59
4 ^R	Em cảm thấy không tự tin khi sử dụng các điểm mạnh của mình trong việc thực hiện các hoạt động trên lớp	1,77	0,73	2,02	0,69	3,78***
5	Em hiểu được những khó khăn của mình trong học tập	2,21	0,39	2,20	0,36	1,45
6	Em biết cách để khắc phục những khó khăn của mình trong học tập	2,10	0,63	2,19	0,57	0,85

Ghi chú: $1 \leq \text{ĐTB} \leq 3$; R: Item nghịch; **: $p < 0,01$; ***: $p < 0,001$

Kết quả khảo sát ở Bảng 1 cho thấy ngoại trừ biểu hiện của item 4 (item nghịch), 5 biểu hiện còn lại của kỹ năng tự nhận thức được phụ huynh và các em học sinh đánh giá ở các mức 2 trở lên. Biểu hiện được cả phụ huynh và các em học sinh đánh giá cao nhất là “*Em biết rõ cảm xúc (vui, buồn, lo lắng...) của mình trong các tình huống*” (ĐTB = 2,40 và ĐTB = 2,37). Điều này cho thấy các em biết rõ cảm xúc của mình trong các tình huống cụ thể; đây là biểu hiện cơ bản nhất của kỹ năng tự nhận thức. Ngoài ra, nhìn chung các em cũng đã hiểu được những khó khăn của mình trong học tập, biết được em giỏi (hay chưa giỏi) điều gì, và cũng đã biết cách để khắc phục những khó khăn của mình trong học tập. Tuy nhiên, kết quả đánh giá item 4 (item nghịch) cho thấy, đối với biểu hiện “*Con của Anh/ Chị cảm thấy không tự tin khi sử dụng các điểm mạnh của mình trong việc thực hiện các hoạt động trên lớp*”, có đến 24,6% số phụ huynh chọn phương án “*hoàn toàn đúng*” và 53,3% số phụ huynh chọn phương án “*đúng một phần*”; đối với phần tự đánh giá của học sinh, có đến 41,1% các em chọn phương án “*hoàn toàn đúng*” và 41,3% chọn phương án “*đúng một phần*”. Điều này cho thấy, nhìn chung học sinh tiểu học Quảng Trị đều cảm thấy chưa tự tin khi sử dụng các điểm mạnh của mình trong việc thực hiện các hoạt động trên lớp. Do đó, các chủ thể quản lý, các lực lượng giáo dục cần có biện pháp thích hợp để giúp các em khắc phục được hạn chế này.

Kết quả phân tích *t*-test cho hai nhóm độc lập ở Bảng 1 cũng cho thấy có sự khác biệt khá lớn về ý kiến giữa phụ huynh và học sinh ở 2/6 biểu hiện. Phụ huynh đánh giá cao hơn ý kiến tự đánh giá của học sinh ở biểu hiện “*Em nhận biết rõ về năng khiếu và khả năng đặc biệt của bản thân*” ($t(750) = 2,85; p < 0,01$), đặc biệt là khác biệt ý kiến ở mức cao ở biểu hiện “*Em cảm thấy không tự tin khi sử dụng các điểm mạnh của mình trong việc thực hiện các hoạt động trên lớp*” ($t(750) = 3,78; p < 0,001$).

3.2. Thực trạng kỹ năng tìm kiếm sự hỗ trợ của học sinh tiểu học Quảng Trị

Kỹ năng tìm kiếm sự hỗ trợ sẽ giúp các em ý thức được nhu cầu cần giúp đỡ, biết xác định được những địa chỉ đáng tin cậy và bày tỏ nhu cầu cần giúp đỡ một cách phù hợp. Không những vậy, tìm kiếm được sự hỗ trợ sẽ giúp các em được chia sẻ, giải bày những khó khăn, giảm bớt được căng thẳng tâm lý do bị dồn nén cảm xúc, giúp các em không cảm thấy đơn độc, bi quan.

Nhìn chung, học sinh tiểu học Quảng Trị đã xác định được người đáng tin cậy để tìm đến khi cần sự giúp đỡ (Bảng 2). Biểu hiện “*Khi em cần sự giúp đỡ, em thường tìm đến người em tin cậy (ví dụ như bố mẹ, thầy cô, bạn bè...)*” nhận được sự đồng thuận về đánh giá ở mức cao của cả phụ huynh và học sinh (ĐTB = 2,44 và ĐTB = 2,47). Tuy nhiên, kết quả phân tích *t*-test cho hai nhóm độc lập cho thấy có sự khác biệt lớn về ý kiến giữa phụ huynh và học sinh ở biểu hiện của 2 item nghịch còn lại. Phụ huynh đều đánh giá cao hơn ý kiến tự đánh giá của học sinh ở biểu hiện “*Em không muốn kể về các khó khăn của mình với bố mẹ, thầy cô, bạn bè...*” ($t(750) = 6,66; p < 0,001$) và biểu hiện “*Khi gặp khó khăn, dù rất muốn người khác giúp đỡ nhưng em không biết làm thế nào để nhờ họ giúp đỡ*” ($t(750) = 4,98; p < 0,001$).

Ở biểu hiện “*Khi gặp khó khăn, dù rất muốn người khác giúp đỡ nhưng em không biết làm thế nào để nhờ họ giúp đỡ*”, có đến 27,0% số phụ huynh chọn phương án “*hoàn toàn đúng*” và 46,7% số phụ huynh chọn phương án “*đúng một phần*”; đối với phần tự đánh giá của học sinh, mặc dù

Bảng 2. Đánh giá thực trạng biểu hiện của kỹ năng tìm kiếm sự hỗ trợ của học sinh tiểu học Quảng Trị

TT	Biểu hiện của kỹ năng tìm kiếm sự hỗ trợ	Học sinh		Phụ huynh		<i>t</i> (750)
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	
1 ^R	Em không muốn kể về các khó khăn của mình với bố mẹ, thầy cô, bạn bè...	1,49	0,68	1,94	0,74	6,66***
2 ^R	Khi gặp khó khăn, dù rất muốn người khác giúp đỡ nhưng em không biết làm thế nào để nhờ họ giúp đỡ	1,65	0,71	2,01	0,73	4,98***
3	Khi em cần sự giúp đỡ, em thường tìm đến người em tin cậy (ví dụ như bố mẹ, thầy cô, bạn bè...)	2,47	0,72	2,44	0,66	0,37

Ghi chú: 1 ≤ ĐTB ≤ 3; R: Item nghịch; ***: $p < 0,001$

có đến 61,6% chọn phương án “không đúng”, nhưng vẫn còn đến 10,5% các em chọn phương án “hoàn toàn đúng” và 27,9% chọn phương án “đúng một phần”.

Ở biểu hiện “Em không muốn kể về các khó khăn của mình với bố mẹ, thầy cô, bạn bè...”, có đến 24,6% số phụ huynh chọn phương án “hoàn toàn đúng” và 45,1% số phụ huynh chọn phương án “đúng một phần”; đối với phần tự đánh giá của học sinh, 13,5% các em chọn phương án “hoàn toàn đúng” và 37,9% chọn phương án “đúng một phần”.

Điều này cho thấy, mặc dù nhìn chung các em đã xác định được người đáng tin cậy để tìm đến khi cần sự giúp đỡ, nhưng cách để nhờ người khác giúp đỡ và tâm sự về những khó khăn của mình với bố mẹ, thầy cô, bạn bè... thì các em còn gặp nhiều khó khăn. Điều này có thể do nhiều nguyên nhân, nhưng không thể không có nguyên nhân từ nội dung, phương pháp giáo dục của gia đình và của nhà trường.

3.3. Thực trạng kỹ năng quản lý cảm xúc của học sinh tiểu học Quảng Trị

Ở lứa tuổi tiểu học, các em dễ bị xúc động với những sự vật, hiện tượng cụ thể và sinh động; các em khó kìm hãm sự xúc cảm của mình. Kỹ năng quản lý cảm xúc giúp học sinh nhận biết được tên các loại cảm xúc dễ chịu và khó chịu, các biểu hiện cơ bản của từng loại cảm xúc; kiểm soát cảm xúc tiêu cực (buồn, chán, ...); nuôi dưỡng cảm xúc tích cực...

Kết quả khảo sát ở Bảng 3 cho thấy, biểu hiện được cả phụ huynh và các em học sinh đánh giá cao nhất là “Em biết ơn bố mẹ, ông bà, thầy cô đã đem đến cho em những điều tốt đẹp” (ĐTB = 2,44 và ĐTB = 2,56). Điều này cho thấy, đạo lý “uống nước nhớ nguồn” đã được các trường tiểu học Quảng Trị giáo dục cho các em học sinh rất tốt.

Khi buồn, nhìn chung các em cũng đã biết tìm đến ông bà, bố mẹ, thầy/ cô, bạn thân... để kể cho họ nghe (phụ huynh: ĐTB = 2,41; học sinh: ĐTB = 2,32). Tuy nhiên, phần lớn các em cũng chỉ mới biết tìm cách đơn giản nhất là “*tâm sự với người thân*” để giải tỏa những cảm xúc tiêu cực cho bản thân; việc “*tự thân vận động*” để giải tỏa những cảm xúc tiêu cực chưa được các em thực hiện tốt, thể hiện ĐTB của biểu hiện “*Mỗi khi cảm thấy tức giận, em thường làm một cái gì đó để cơn giận qua đi (Ví dụ: hít thở sâu, đếm từ 1 đến 10, em chạy đi chỗ khác...)*” là chưa cao (phụ huynh: ĐTB = 2,07; học sinh: ĐTB = 1,93). Ngoài ra, việc quan tâm đến cảm xúc của người thân, làm cho người thân vui của các em học sinh tiểu học Quảng Trị cũng chưa được thể hiện tốt, biểu hiện “*Em thường làm những điều mà bố mẹ, thầy cô, bạn bè thích để họ được vui vẻ*” cũng chỉ thể hiện ở mức 2 ($1,67 \leq \text{ĐTB} < 2,34$) (phụ huynh: ĐTB = 2,29; học sinh: ĐTB = 2,29).

Kết quả phân tích *t*-test cho hai nhóm độc lập cho thấy, có sự khác biệt về ý kiến giữa phụ huynh và học sinh ở biểu hiện của 2 item nghịch còn lại (item 3 và item 5). Phụ huynh đánh giá cao hơn ý kiến tự đánh giá của học sinh ở biểu hiện “*Mỗi khi làm điều gì sai hoặc không như em mong muốn, em thường chê bai bản thân và ghét bản thân mình*” ($t(750) = 2,09$; $p < 0,05$), đặc biệt là khác biệt ý kiến ở mức cao ở biểu hiện “*Em khó bỏ qua lỗi lầm mà bạn gây ra cho em*” ($t(750) = 4,05$; $p < 0,001$).

Ở biểu hiện “*Mỗi khi làm điều gì sai hoặc không như em mong muốn, em thường chê bai bản thân và ghét bản thân mình*”, 16,4% số phụ huynh chọn phương án “*hoàn toàn đúng*” và 45,1% số phụ huynh chọn phương án “*đúng một phần*”; đối với phần tự đánh giá của học sinh, mặc dù có

Bảng 3. Đánh giá thực trạng biểu hiện của kỹ năng quản lý cảm xúc của học sinh tiểu học Quảng Trị

TT	Biểu hiện của kỹ năng quản lý cảm xúc	Học sinh		Phụ huynh		<i>t</i> (750)
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	
1	Khi buồn, em thường kể với người em yêu quý (ví dụ như ông bà, bố mẹ, thầy/ cô, bạn thân...)	2,32	0,74	2,41	0,65	1,30
2	Mỗi khi cảm thấy tức giận, em thường làm một cái gì đó để cơn giận qua đi (Ví dụ: hít thở sâu, đếm từ 1 đến 10, em chạy đi chỗ khác...)	1,93	0,75	2,07	0,71	1,89
3 ^R	Mỗi khi làm điều gì sai hoặc không như em mong muốn, em thường chê bai bản thân và ghét bản thân mình	1,63	0,73	1,78	0,71	2,09*
4	Em biết ơn bố mẹ, ông bà, thầy cô đã đem đến cho em những điều tốt đẹp	2,56	0,69	2,44	0,66	1,79
5 ^R	Em khó bỏ qua lỗi lầm mà bạn gây ra cho em	1,56	0,67	1,84	0,72	4,05***
6	Em thường làm những điều mà bố mẹ, thầy cô, bạn bè thích để họ được vui vẻ	2,29	0,65	2,29	0,71	0,02

Ghi chú: $1 \leq \text{ĐTB} \leq 3$; R: Item nghịch; *: $p < 0,05$; ***: $p < 0,001$

đến 51,9% chọn phương án “không đúng”, nhưng vẫn còn đến 14,8% các em chọn phương án “hoàn toàn đúng” và 33,3% chọn phương án “đúng một phần”.

Ở biểu hiện “Em khó bỏ qua lỗi lầm mà bạn gây ra cho em”, 18,9% số phụ huynh chọn phương án “hoàn toàn đúng” và 45,9% số phụ huynh chọn phương án “đúng một phần”; đối với phần tự đánh giá của học sinh, 10,3% các em chọn phương án “hoàn toàn đúng” và 35,7% chọn phương án “đúng một phần”.

Điều này cho thấy, nhìn chung các em mới biết cách đơn giản nhất là “tâm sự với người thân” để giải tỏa những cảm xúc tiêu cực cho bản thân. Việc “tự thân vận động” để giải tỏa những cảm xúc tiêu cực chưa được các em thực hiện tốt. Nhiều em cũng chưa quan tâm đến cảm xúc của người thân, chưa biết cách làm cho người thân vui. Đặc biệt là không ít em vẫn tự dằn vặt mình khi làm điều gì sai hoặc không như em mong muốn, và khó bỏ qua lỗi lầm mà bạn gây ra cho em; đây là những biểu hiện tiêu cực mà các nhà quản lý, các lực lượng giáo dục cần phải có biện pháp giúp các em thay đổi.

3.4. Thực trạng kỹ năng giao tiếp của học sinh tiểu học Quảng Trị

Bản chất cuộc sống của con người là các dòng hoạt động nối tiếp nhau, từ khi sinh ra cho đến lúc từ giã cõi đời. Giao tiếp là yếu tố quan trọng, góp phần tạo dựng nên thành công trong bất kỳ lĩnh vực gì. Kỹ năng giao tiếp là khả năng có thể bày tỏ ý kiến của bản thân theo hình thức nói, viết hoặc ngôn ngữ cơ thể một cách phù hợp với hoàn cảnh và văn hóa. Ở lứa tuổi học sinh tiểu học, kỹ năng giao tiếp giúp các em tự tin kết bạn, biết cách nói chuyện, tự tin khi bày tỏ cảm xúc nhưng không làm hại hay gây tổn thương cho người khác.

Bảng 4. Đánh giá thực trạng biểu hiện của kỹ năng giao tiếp của học sinh tiểu học Quảng Trị

TT	Biểu hiện của kỹ năng giao tiếp	Học sinh		Phụ huynh		t(750)
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	
1 ^R	Khi nói chuyện với bạn, em sợ khi nhìn vào mắt của bạn	1,29	0,55	1,75	0,71	6,89***
2 ^R	Em thấy khó khăn khi muốn nói chuyện với bạn	1,32	0,59	1,75	0,72	6,10***
3	Khi em giải thích một điều gì đó, bạn bè dễ dàng hiểu	2,16	0,63	2,23	0,63	1,09
4	Khi nói chuyện với bạn, em thường im lặng để lắng nghe xem bạn đang nói về cái gì	2,32	0,70	2,24	0,69	1,15
5	Khi nói chuyện với bạn, em thường nhìn nét mặt, lắng nghe giọng nói của bạn để biết bạn đang nghĩ gì và cảm thấy thế nào	2,07	0,73	2,17	0,65	1,38
6	Em dễ dàng kết bạn với người khác	2,03	0,75	2,23	0,76	2,74**
7 ^R	Em không biết cách để giữ gìn tình bạn tốt đẹp	1,47	0,66	1,83	0,71	5,37***

8	Khi xảy ra bất đồng, xích mích với các bạn, em biết nguyên nhân vì sao lại xảy ra điều đó	1,97	0,72	2,02	0,70	0,71
9	Em biết cách nhường bạn hoặc thuyết phục bạn khi xảy ra bất đồng	2,22	0,70	2,16	0,69	0,77

Ghi chú: $1 \leq \text{ĐTB} \leq 3$; R: Item nghịch; *: $p < 0,05$; **: $p < 0,01$; ***: $p < 0,001$

Kết quả khảo sát ở Bảng 4 cho thấy, biểu hiện được cả phụ huynh và các em học sinh đánh giá ở mức cao nhất là “*Khi nói chuyện với bạn, em thường im lặng để lắng nghe xem bạn đang nói về cái gì*” (ĐTB = 2,24 và ĐTB = 2,32). Tuy nhiên, về cơ bản các em cũng chỉ mới thể hiện được biểu hiện đơn giản nhất trong giao tiếp là im lặng để nghe người khác nói; biểu hiện “*Khi nói chuyện với bạn, em thường nhìn nét mặt, lắng nghe giọng nói của bạn để biết bạn đang nghĩ gì và cảm thấy thế nào*” lại chưa được các em thực hiện tốt (phụ huynh: ĐTB = 2,17; học sinh: 2,07). Biểu hiện của item nghịch 1 và 2 cũng cho thấy, việc giao tiếp của các em học sinh tiểu học Quảng Trị vẫn còn gặp nhiều khó khăn: “*Khi nói chuyện với bạn, em sợ khi nhìn vào mắt của bạn*” (phụ huynh: 15,6% cho rằng “*hoàn toàn đúng*”, 44,3% cho rằng “*đúng một phần*”; học sinh: 4,9% cho rằng “*hoàn toàn đúng*”, 18,9% cho rằng “*đúng một phần*”); “*Em thấy khó khăn khi muốn nói chuyện với bạn*” (phụ huynh: 16,4% cho rằng “*hoàn toàn đúng*”, 41,8% cho rằng “*đúng một phần*”; học sinh: 6,5% cho rằng “*hoàn toàn đúng*”, 19,2% cho rằng “*đúng một phần*”).

Ngoài ra, mặc dù tính cách lứa tuổi của các em là hồn nhiên trong quan hệ với người lớn, thầy cô giáo, bạn bè, nhưng nhìn chung việc kết bạn với người khác cũng không phải là vấn đề dễ dàng với các em học sinh, thể hiện qua việc ĐTB của biểu hiện “*Em dễ dàng kết bạn với người khác*” ở mức không cao (phụ huynh: ĐTB = 2,23; học sinh: ĐTB = 2,03).

Bên cạnh đó, trong giao tiếp thường xảy ra tình trạng xích mích hoặc xảy ra bất đồng, nhất là trong bối cảnh tình cảm của học sinh tiểu học ở lứa tuổi các em còn mỏng manh, chưa bền vững, chưa sâu sắc, không ít em có tính cách ích kỷ thì các em cần phải nhường nhịn bạn hoặc cần phải tìm ra nguyên nhân, giải thích để giúp bạn thay đổi thái độ hoặc hành vi. Tuy nhiên, các biểu hiện này lại chưa nhận được mức đồng tình cao của các đối tượng được khảo sát:

– Biểu hiện “*Khi em giải thích một điều gì đó, bạn bè dễ dàng hiểu*”: ĐTB của phụ huynh là 2,23; ĐTB của học sinh là 2,16.

– Biểu hiện “*Khi xảy ra bất đồng, xích mích với các bạn, em biết nguyên nhân vì sao lại xảy ra điều đó*”: ĐTB của phụ huynh là 2,02; ĐTB của học sinh là 1,97.

– Biểu hiện “*Em biết cách nhường bạn hoặc thuyết phục bạn khi xảy ra bất đồng*”: ĐTB của phụ huynh là 2,16; ĐTB của học sinh là 2,22.

Trong giao tiếp, quan hệ bạn bè, nhất là ở lứa tuổi học sinh, thì một trong những điều quan trọng nhất là biết cách để giữ gìn tình bạn tốt đẹp. Để tìm hiểu về nội dung này, chúng tôi đã sử dụng item nghịch (item 7): “*Em không biết cách để giữ gìn tình bạn tốt đẹp*”. Kết quả khảo sát

cho thấy, 18,0% số phụ huynh chọn phương án “hoàn toàn đúng” và 46,7% số phụ huynh chọn phương án “đúng một phần”; đối với phần tự đánh giá của học sinh, 9,2% các em chọn phương án “hoàn toàn đúng” và 28,9% chọn phương án “đúng một phần”. Điều này chứng tỏ không ít học sinh tiểu học Quảng Trị chưa biết cách để giữ gìn tình bạn tốt đẹp.

Kết quả phân tích *t*-test cho hai nhóm độc lập ở Bảng 4 cũng cho thấy, có sự khác biệt khá lớn về ý kiến giữa phụ huynh và học sinh ở 4/9 biểu hiện. Phụ huynh đều đánh giá cao hơn ý kiến tự đánh giá của học sinh ở các biểu hiện 1, 2, 6 và 7.

3.5. Thực trạng kỹ năng đồng cảm của học sinh tiểu học Quảng Trị

Kỹ năng đồng cảm là khả năng có thể hình dung và đặt mình trong hoàn cảnh của người khác. Kỹ năng đồng cảm giúp các em nhận diện cảm xúc của bạn bè, nguyên nhân của cảm xúc đó; cách động viên, an ủi bạn bè; cách giúp đỡ khi bạn bè buồn, lo sợ, ... và cần trợ giúp...

Ở tính cách của học sinh tiểu học Quảng Trị cũng như phần đông các em ở lứa tuổi này, lòng thương người biểu hiện khá rõ nét. Kết quả khảo sát ở Bảng 5 cho thấy, biểu hiện được cả phụ huynh và học sinh đánh giá ở mức cao nhất là “Em tìm mọi cách để giúp đỡ bạn bè khi bạn bè cần trợ giúp” (ĐTB = 2,26 và ĐTB = 2,36). Điều này cho thấy, xét ở góc độ kỹ năng đồng cảm, các lực lượng giáo dục đã truyền được cảm hứng cho các em học sinh làm việc tốt và có những hành động dũng cảm. Nếu cảm hứng này ngày càng phát triển thì các em học sinh có xu hướng vượt qua mọi trở ngại để giúp đỡ những người đang cần giúp đỡ, thậm chí những hành động anh hùng và cả sự hy sinh. Tuy nhiên, những biểu hiện cụ thể của kỹ năng đồng cảm nhìn chung chưa được các đối tượng khảo sát thể hiện sự đồng tình cao:

Bảng 5. Đánh giá thực trạng biểu hiện của kỹ năng đồng cảm của học sinh tiểu học Quảng Trị

TT	Biểu hiện của kỹ năng đồng cảm	Học sinh		Phụ huynh		<i>t</i> (750)
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	
1	Nhìn khuôn mặt bạn, em biết bạn đang vui, buồn, bình tĩnh, tức giận hay lo sợ	2,09	0,72	2,16	0,74	0,93
2	Khi bạn vui, buồn, tức giận hay lo sợ, em hiểu vì sao bạn lại cảm thấy như vậy	1,74	0,64	2,21	0,58	8,13***
3 ^R	Khi thấy bạn buồn, dù muốn động viên, an ủi nhưng em không biết phải nói thế nào	1,64	0,70	2,06	0,67	6,17***
4	Em tìm mọi cách để giúp đỡ bạn bè khi bạn bè cần trợ giúp	2,36	0,70	2,26	0,73	1,33

Ghi chú: $1 \leq \text{ĐTB} \leq 3$; R: Item nghịch; ***: $p < 0,001$

– Biểu hiện “Nhìn khuôn mặt bạn, em biết bạn đang vui, buồn, bình tĩnh, tức giận hay lo sợ”: ĐTB của phụ huynh là 2,16; ĐTB của học sinh là 2,09.

– Biểu hiện “*Khi bạn vui, buồn, tức giận hay lo sợ, em hiểu vì sao bạn lại cảm thấy như vậy*”: ĐTB của phụ huynh là 2,21; ĐTB của học sinh chỉ là 1,74.

Ở item nghịch (item 3) “*Khi thấy bạn buồn, dù muốn động viên, an ủi nhưng em không biết phải nói thế nào*”, 25,4% số phụ huynh chọn phương án “*hoàn toàn đúng*” và 54,9% số phụ huynh chọn phương án “*đúng một phần*”; đối với phần tự đánh giá của học sinh, 13,2% các em chọn phương án “*hoàn toàn đúng*” và 38,1% chọn phương án “*đúng một phần*”. Điều này chứng tỏ kỹ năng đồng cảm của học sinh tiểu học Quảng Trị nhìn chung chưa tốt. Các nhà quản lý, các lực lượng giáo dục cần tăng cường hơn nữa các biện pháp quản lý, giáo dục, giúp các em biết cách động viên, an ủi bạn bè, nhất là trong bối cảnh không ít em ở lứa tuổi này có tính cách ích kỷ, thiếu trách nhiệm.

Kết quả phân tích *t*-test cho hai nhóm độc lập cho thấy, có sự khác biệt về ý kiến giữa phụ huynh và học sinh ở 2/4 biểu hiện ở Bảng 5. Phụ huynh đánh giá cao hơn nhiều so với ý kiến tự đánh giá của học sinh ở biểu hiện “*Khi bạn vui, buồn, tức giận hay lo sợ, em hiểu vì sao bạn lại cảm thấy như vậy*” ($t(750) = 8,13; p < 0,001$) và biểu hiện “*Khi thấy bạn buồn, dù muốn động viên, an ủi nhưng em không biết phải nói thế nào*” ($t(750) = 6,17; p < 0,001$).

3.6. Thực trạng kỹ năng hợp tác của học sinh tiểu học Quảng Trị

Trong bối cảnh giáo dục phổ thông, nước ta đang thực hiện bước chuyển từ giáo dục tiếp cận nội dung sang tiếp cận năng lực của người học, phương pháp dạy học chuyển từ chủ yếu truyền thụ một chiều sang tổ chức hoạt động học cho học sinh, hình thức dạy học toàn lớp được thay bằng dạy học nhóm nhỏ thì kỹ năng hợp tác sẽ giúp các em biết chia sẻ trách nhiệm, biết cam kết và cùng làm việc có hiệu quả với những thành viên khác trong nhóm.

Bảng 6. Đánh giá thực trạng biểu hiện của kỹ năng hợp tác của học sinh tiểu học Quảng Trị

TT	Biểu hiện của kỹ năng hợp tác	Học sinh		Phụ huynh		<i>t</i> (750)
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	
1	Khi tham gia một nhóm, em hiểu được nhiệm vụ của nhóm và trách nhiệm, hoạt động của mình trong nhóm sau khi được hướng dẫn, phân công	2,34	0,68	2,39	0,64	0,73
2 ^R	Em thấy khó khăn để nhận biết được đặc điểm nổi bật của các thành viên trong nhóm để đề xuất phương án phân công công việc phù hợp	1,81	0,68	2,10	0,71	4,33***
3	Em cố gắng hoàn thành phần việc mình được phân công và chia sẻ, giúp đỡ thành viên khác cùng hoàn thành việc được phân công	2,30	0,69	2,30	0,70	0,07
4	Khi hoàn thành công việc của nhóm, em tự nhận xét được ưu điểm, thiếu sót của bản thân theo hướng dẫn của giáo viên	2,18	0,72	2,16	0,69	0,22

Ghi chú: $1 \leq \text{ĐTB} \leq 3$; R: Item nghịch; ***: $p < 0,001$

Kết quả khảo sát ở Bảng 6 cho thấy, nhìn chung phần lớn các em “*Khi tham gia một nhóm, em hiểu được nhiệm vụ của nhóm và trách nhiệm, hoạt động của mình trong nhóm sau khi được hướng dẫn, phân công*” (phụ huynh: ĐTB = 2,39; học sinh: ĐTB = 2,34) và “*Em cố gắng hoàn thành phần việc mình được phân công và chia sẻ, giúp đỡ thành viên khác cùng hoàn thành việc được phân công*” (phụ huynh: ĐTB = 2,30; học sinh: ĐTB = 2,30). Tuy nhiên, sau khi hoàn thành công việc của nhóm, việc tự nhận xét được ưu điểm, thiếu sót của bản thân theo hướng dẫn của giáo viên của các em vẫn còn nhiều hạn chế cần khắc phục.

Bên cạnh đó, biểu hiện của item nghịch (item 2) “*Em thấy khó khăn để nhận biết được đặc điểm nổi bật của các thành viên trong nhóm để đề xuất phương án phân công công việc phù hợp*”, có đến 30,3% số phụ huynh chọn phương án “*hoàn toàn đúng*” và 49,2% số phụ huynh chọn phương án “*đúng một phần*”; đối với phần tự đánh giá của học sinh, 15,1% các em chọn phương án “*hoàn toàn đúng*” và 50,5% chọn phương án “*đúng một phần*”. Điều này chứng tỏ, kỹ năng hợp tác của học sinh tiểu học Quảng Trị nhìn chung chưa tốt. Khi tham gia một nhóm, phần lớn các em đã hiểu được nhiệm vụ của nhóm và trách nhiệm, hoạt động của mình trong nhóm; các em cũng đã cố gắng để hoàn thành phần việc mình được phân công. Tuy nhiên, việc nhận biết được đặc điểm nổi bật của các thành viên trong nhóm để đề xuất phương án phân công công việc phù hợp là công việc quá khó khăn với các em hiện nay.

Kết quả phân tích *t*-test cho hai nhóm độc lập ở Bảng 6 cũng cho thấy, có sự khác biệt lớn về ý kiến giữa phụ huynh và học sinh ở biểu hiện của item nghịch (item 2). Phụ huynh đánh giá cao hơn ý kiến tự đánh giá của học sinh ở biểu hiện “*Em thấy khó khăn để nhận biết được đặc điểm nổi bật của các thành viên trong nhóm để đề xuất phương án phân công công việc phù hợp*” ($t(750) = 4,33; p < 0,001$).

3.7. Thực trạng kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định có trách nhiệm của học sinh tiểu học Quảng Trị

Kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định có trách nhiệm là khả năng của cá nhân biết quyết định lựa chọn phương án tối ưu và hành động theo phương án đã chọn để giải quyết vấn đề hoặc tình huống gặp phải trong cuộc sống một cách có trách nhiệm. Ở lứa tuổi học sinh tiểu học, không ít trẻ được bao bọc, nuông chiều, không cho trẻ lao động làm cho các em không biết cách giải quyết khi gặp những vấn đề xảy ra với bản thân, hoặc lựa chọn cách giải quyết ích kỷ, thiếu trách nhiệm.

Kết quả khảo sát ở Bảng 7 cho thấy, có thể học sinh tiểu học Quảng Trị nhìn chung có đặc điểm tính cách chung của lứa tuổi, đó là không ít trẻ có tính cách ích kỷ, thiếu trách nhiệm, nên đánh giá của các đối tượng được khảo sát về các biểu hiện của kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định có trách nhiệm là không cao.

Nhìn chung, các em chưa biết rõ nguyên nhân và chưa biết mình cần giải quyết như thế nào khi có vấn đề xảy ra với bản thân; không phải em nào cũng nghĩ được các cách có thể giải quyết được vấn đề của mình. Nếu phải quyết định giải quyết vấn đề thì các em sử dụng cách mà các em cho là đúng chứ không suy nghĩ được các ưu điểm và hạn chế của từng cách giải quyết vấn đề của mình. Điều này cho thấy, hầu hết các em chỉ mới giải quyết được những vấn đề đơn giản, không yêu cầu nhiều cách giải quyết, không yêu cầu phải phân tích ưu điểm và hạn chế của từng cách giải quyết. Cuộc sống chúng ta luôn phải đứng trước hàng loạt vấn đề cần giải quyết và hàng chuỗi quyết định cần phải thực hiện mỗi ngày. Để giúp các em phát triển phẩm chất tư duy chuyển dần từ tính đơn giản, cụ thể sang tư duy trừu tượng khái quát, đòi hỏi phải tăng cường hơn nữa việc giáo dục kỹ năng giải quyết vấn đề cho các em.

Đối với item nghịch (item 4) “*Khi quyết định làm cái gì, em chỉ để ý đến lợi ích của mình, còn lợi ích của người khác em thường không để ý*”, 12,3% số phụ huynh chọn phương án “*hoàn toàn đúng*” và 42,6% số phụ huynh chọn phương án “*đúng một phần*”; đối với phần tự đánh giá của học sinh, mặc dù có đến 66,8% các em chọn phương án “*không đúng*”, nhưng vẫn còn 7,1% các em chọn phương án “*hoàn toàn đúng*” và 26,0% chọn phương án “*đúng một phần*”. Điều này chứng tỏ, tính trách nhiệm khi giải quyết vấn đề của học sinh tiểu học Quảng Trị vẫn chưa cao.

Kết quả phân tích *t*-test cho hai nhóm độc lập ở Bảng 7 cũng cho thấy, có sự khác biệt lớn về ý kiến giữa phụ huynh và học sinh, phụ huynh đánh giá cao hơn ý kiến tự đánh giá của học sinh ở biểu hiện “*Khi quyết định làm cái gì, em chỉ để ý đến lợi ích của mình, còn lợi ích của người khác em thường không để ý*” ($t(750) = 4,03; p < 0,001$).

Bảng 7. Đánh giá thực trạng biểu hiện của kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định có trách nhiệm của học sinh tiểu học Quảng Trị

TT	Biểu hiện của kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định có trách nhiệm	Học sinh		Phụ huynh		<i>t</i> (750)
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	
1	Khi có một vấn đề gì xảy ra với mình, em biết rõ nguyên nhân và biết mình cần giải quyết cái gì	2,11	0,72	2,11	0,69	0,04
2	Em nghĩ đến các cách có thể giải quyết được vấn đề của mình	2,15	0,69	2,03	0,68	1,70
3	Em thường suy nghĩ đến các ưu điểm và hạn chế của từng cách giải quyết vấn đề của mình và từ đó quyết định nên sử dụng cách giải quyết nào	1,93	0,70	1,94	0,63	0,15
4 ^R	Khi quyết định làm cái gì, em chỉ để ý đến lợi ích của mình, còn lợi ích của người khác em thường không để ý	1,40	0,62	1,67	0,69	4,03***

Ghi chú: 1 ≤ ĐTB ≤ 3; R: Item nghịch; *: $p < 0,05$; ***: $p < 0,001$

3.8. Thực trạng kỹ năng tự bảo vệ bản thân của học sinh tiểu học Quảng Trị

Quảng Trị là vùng đất có địa hình sông ngòi chằng chịt, chịu ảnh hưởng rất mạnh từ biến đổi khí hậu và các hiện tượng thời tiết khắc nghiệt. Trẻ em là đối tượng nhạy cảm trong việc chống chịu và đối phó với các thảm họa thiên nhiên. Ngoài ra, những tàn tích của chiến tranh hay sự phát triển của xã hội hiện đại cũng tiềm ẩn nhiều mối nguy hiểm. Điều này đòi hỏi mỗi trẻ đều phải có những kỹ năng để xử lý cũng như bảo vệ chính bản thân mình. Học sinh tiểu học có kỹ năng bảo vệ bản thân sẽ biết cách làm thế nào để tránh xa những mối nguy hiểm hoặc khám phá thế giới trong phạm vi an toàn.

Kết quả khảo sát ở Bảng 8 cho thấy, biểu hiện được phụ huynh và học sinh đánh giá cao nhất ở kỹ năng tự bảo vệ bản thân của học sinh là “*Em tự trang bị được các vật dụng cho bản thân khi trời mưa, nắng to, ...*” (ĐTB = 2,28 và ĐTB = 2,25) và “*Em nhận biết, xác định được những vật nguy hiểm xung quanh*” (ĐTB = 2,23 và 2,27). Đây là những biểu hiện cơ bản nhất của kỹ năng tự bảo vệ bản thân. Nhìn chung, phần lớn các em đã nhận biết được những vật nguy hiểm xung quanh và cũng biết tự trang bị được các vật dụng cho bản thân khi trời mưa, nắng to, ... Tuy nhiên, kết quả khảo sát cũng cho thấy, vẫn còn không ít học sinh còn gặp khó khăn trong việc tự bảo vệ được bản thân an toàn khi gặp vật nguy hiểm, khi vui chơi dưới nước, khi gặp người lạ, ...; hay việc nhận biết, biết cách phòng tránh được những tác động tiêu cực của phương tiện truyền thông, game online, ...

Bảng 8. Đánh giá thực trạng biểu hiện của kỹ năng tự bảo vệ bản thân của học sinh tiểu học Quảng Trị

TT	Biểu hiện của kỹ năng tự bảo vệ bản thân	Học sinh		Phụ huynh		t(750)
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	
1	Em nhận biết, xác định được những vật nguy hiểm xung quanh	2,27	0,73	2,23	0,70	0,52
2	Em tự bảo vệ được bản thân an toàn khi gặp vật nguy hiểm, khi vui chơi dưới nước, khi gặp người lạ, ...	2,18	0,75	2,09	0,73	1,21
3 ^R	Em không biết cách thoát hiểm khi gặp tình huống hoả hoạn, đám đông chen lấn xô đẩy, ...	1,58	0,68	1,97	0,72	5,46***
4	Em tự trang bị được các vật dụng cho bản thân khi trời mưa, nắng to,...	2,25	0,75	2,28	0,68	0,34
5	Em nhận biết được những tác động tiêu cực của phương tiện truyền thông, game online,... (biết được chơi game nhiều là không tốt, vào các trang web có nội dung xấu sẽ ảnh hưởng đến bản thân, ...)	2,19	0,80	2,13	0,70	0,79
6	Em biết cách tránh những tác động tiêu cực của phương tiện truyền thông, game online,... (không nghiện game, không vào các trang web có nội dung xấu, ...)	2,23	0,81	2,18	0,72	0,68

Ghi chú: 1 ≤ ĐTB ≤ 3; R: Item nghịch; *: $p < 0,05$; ***: $p < 0,001$

Đối với item nghịch (item 3) “*Em không biết cách thoát hiểm khi gặp tình huống hoả hoạn, đám đông chen lấn xô đẩy, ...*”, 23,8% số phụ huynh chọn phương án “*hoàn toàn đúng*” và 49,2% số phụ huynh chọn phương án “*đúng một phần*”; đối với phần tự đánh giá của học sinh, 11,1% các em chọn phương án “*hoàn toàn đúng*” và 36,2% chọn phương án “*đúng một phần*”. Điều này chứng tỏ, rất nhiều học sinh tiểu học Quảng Trị chưa biết cách thoát hiểm khi gặp tình huống nguy hiểm trong cuộc sống hàng ngày như hoả hoạn, đám đông chen lấn, ...

Kết quả phân tích *t*-test cho hai nhóm độc lập ở Bảng 8 cũng cho thấy, có sự khác biệt lớn về ý kiến giữa phụ huynh và học sinh, phụ huynh đánh giá cao hơn ý kiến tự đánh giá của học sinh ở biểu hiện “*Em không biết cách thoát hiểm khi gặp tình huống hoả hoạn, đám đông chen lấn xô đẩy, ...*” ($t(750) = 5,46; p < 0,001$).

4. Kết luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy, hầu hết học sinh tiểu học Quảng Trị đã có những biểu hiện cơ bản của các KNS, chứng tỏ các em bước đầu đã dần hình thành các KNS phù hợp. Tuy nhiên, ở cả 8 KNS mà chúng tôi đề xuất (kỹ năng tự nhận thức, kỹ năng tìm kiếm sự hỗ trợ, kỹ năng

quản lý cảm xúc, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng đồng cảm, kỹ năng hợp tác, kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định có trách nhiệm, và kỹ năng tự bảo vệ bản thân), mức độ biểu hiện không đồng đều, các biểu hiện đòi hỏi khả năng khái quát, tính phức tạp cao thì các em chưa đáp ứng được. Bài báo là tài liệu tham khảo hữu ích cho các nhà nghiên cứu, các chủ thể quản lý, các lực lượng giáo dục tìm hiểu, đề xuất những tác động phù hợp, giúp học sinh tiểu học Quảng Trị phát triển trí tuệ cảm xúc và kỹ năng tự bảo vệ bản thân, góp phần đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Thị Tú Anh, Nguyễn Phước Cát Tường (2016), Phát triển năng lực cảm xúc xã hội cho học sinh tiểu học: Cơ hội và thách thức. *Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia “Đào tạo bồi dưỡng giáo viên tiểu học đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục trong bối cảnh hội nhập quốc tế”*. Nxb. Đại học Huế, Tr. 25–31.
2. Bộ trưởng Bộ GD&ĐT (2018), *Chương trình giáo dục phổ thông, Chương trình tổng thể*, ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018.
3. Collaborative for Academic, Social, and Emotional Learning (CASEL) (2014), 2015 CASEL guide: Effective social and emotional learning programs-Preschool and elementary school edition.
4. Nguyễn Thị Mỹ Lộc, Đinh Thị Kim Thoa và Bùi Thị Thúy Hằng (2010), *Giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống cho học sinh tiểu học*. Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.

LIFE SKILLS OF PRIMARY-SCHOOL STUDENTS IN QUANG TRI PROVINCE: CURRENT STATUS

Le Thi Huong¹, Dinh Thi Hong Van¹, Phan Huu Huyen¹, Nguyen Xuan Hieu¹

Pham The Kien², Hoang Kim Toan²

¹ Quang Tri's Department of Education, 136 Highway 9, Dong Ha, Quang Tri, Vietnam

² Hue University, 3 Le Loi St, Hue, Vietnam

Abstract: This study investigates the current life skills of primary-school students in Quang Tri province. The research data were collected from the survey of 122 parents and 630 students in grades 3, 4, and 5 in primary schools in Quang Tri and then processed using SPSS 22.0 statistical software. The results show that most of the students have had basic expressions of life skills, proving that they have gradually formed appropriate life skills. However, the levels of expression are not homogeneous; especially, they are incapable to express their attitude toward those skills that require overall ability with high complexity.

The information from the paper is a useful reference for researchers, managers, and educators to study and propose appropriate solutions to help the students develop their emotional intelligence and self-protection skills, contributing to the current education innovation process.

Keywords: life skills, primary-school students